

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 8 – 2024

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Dư Văn Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1970; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A, đường Đ, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1967; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm C, xã K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ H, Phòng số 1, Hẻm A, đường Đ, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2024 và đơn xin vắng mặt tham gia các giai đoạn tố tụng ngày 05 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn ông Lê Hoàng K trình bày:

Năm 1993, ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 1998 ông bà phát sinh mâu thuẫn nên từ đó ông bà sống ly thân với

nhau cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông bà sinh được 01 (một) người con chung tên Lê Việt P, sinh ngày 01/01/1995. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

Ông Lê Hoàng K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Huỳnh Thị N.

- Về con chung: Con chung Lê Việt P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 8 năm 2024 và đơn xin vắng mặt tham gia các giai đoạn tố tụng ngày 05 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Ông bà kết hôn vào năm 1993, tuy nhiên do không hiểu biết về pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của ông Lê Hoàng K ở số I, đường P, Khóm C, Phường B, thành phố S. Đến năm 1998, ông bà phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân nhau. Ông Lê Hoàng K mua nhà và sinh sống tại số nhà A, đường Đ, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Từ thời gian đó, ông bà không liên lạc với nhau. Trong thời gian chung sống ông bà sinh được 01 (một) người con chung tên Lê Việt P (nữ, sinh ngày 01/01/1995). Ông bà không có tài sản chung và nợ chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng K, bà thống nhất và không yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N kết hôn với nhau vào năm 1993 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và ông Lê Hoàng K yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Huỳnh Thị N. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc

Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Lê Hoàng K và bị đơn bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng K, bà Huỳnh Thị N và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng K:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Lê Hoàng K trong quá trình giải quyết vụ án, ông và bà Huỳnh Thị N kết hôn vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2024, bà Huỳnh Thị N thừa nhận vào năm 1993 có kết hôn với ông Lê Hoàng K nhưng không có đăng ký kết hôn. Mặt khác, tại Công văn số 195/UBND-HC ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã xác định trong sổ bộ lưu kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố S từ năm 1998 đến nay và cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố S không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N (*bút lục số 15*). Từ đó có thể xác định ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định là sự thật.

Xét lý do yêu cầu khởi kiện, ông Lê Hoàng K cho rằng: Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị N cũng thừa nhận cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc nên từ năm 1998 cho đến nay, ông bà cũng không còn chung sống với nhau. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật.

Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn, ông bà đã không chung sống với nhau trong một thời gian dài và ông bà cũng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng K và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị Ngọc s được một người con chung Lê Việt P (nữ, sinh ngày 01/01/1995). Do con chung Lê Việt P đã thành niên, ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Lê Hoàng K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bị đơn bà Huỳnh Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N.

2. Về con chung: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N xác định ông bà sinh được một người con chung tên Lê Việt P (nữ, sinh ngày 01/01/1995). Do con chung Lê Việt P đã thành niên, ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Hoàng K phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001895 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê Hoàng K đã nộp xong án phí. Bị đơn bà Huỳnh Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Lê Hoàng K và bà Huỳnh Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng